

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Nhủ.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị D, sinh năm 1980 (tên và năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn là Trương Mỹ D, sinh năm 1978) (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Quang K, sinh năm 1976 (tên trong giấy chứng nhận kết hôn là Lê Khang K) (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị D trình bày: Bà và ông Lê Quang K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt do ông K không lo cho vợ con, ông K nhiều lần đánh bà. Bà xét thấy không thể cùng nhau chung sống được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Quang K. Trong quá trình chung sống bà và ông K có 03 người con chung tên là Lê Nhứt T (giới tính nam), sinh ngày 19 tháng 12 năm 2003, Lê Hoàng Kh (giới tính nam), sinh ngày 14 tháng 6 năm 2006 và Lê Ngọc Tr (giới tính nữ), sinh ngày 27 tháng 9 năm 2014, hiện tại đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi ba người con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi hai người con Lê Ngọc Tr và Lê Hoàng Kh mỗi tháng là 750.000 đồng/01 người con, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Quang K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông K vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Trương Thị D.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị D về việc ly hôn với ông Lê Quang K. Giao ba người con chung tên là Lê Nhứt T (giới tính nam), sinh ngày 19 tháng 12 năm 2003, Lê Hoàng Kh (giới tính nam), sinh ngày 14 tháng 6 năm 2006 và Lê Ngọc Tr (giới tính nữ), sinh ngày 27 tháng 9 năm 2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung Lê Ngọc Tr và Lê Hoàng Kh mỗi tháng cấp dưỡng là 750.000 đồng/01 người con, cấp hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Quang K, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Quang K là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Quang K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị D và ông Lê Quang K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà D và ông K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà D giữ yêu cầu ly hôn với ông K vì cho rằng không còn thương yêu ông K vì cho rằng trong quá trình chung sống ông K thường xuyên đánh bà và bà không còn thương yêu ông K. Ông K không có ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà D và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trương Thị D về việc yêu cầu ly hôn với ông Lê Quang K.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 người con chung tên Lê Nhứt T, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2003, Lê Hoàng Kh, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2006 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2014. Xét thấy con chung hiện nay con chung do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, hai người con chung Lê Nhứt T và Lê Hoàng Kh có nguyện vọng được chung sống với bà D; ông K không có ý kiến phản đối yêu cầu của bà D, đồng thời nhằm ổn định cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên, nên giao ba người con chung cho bà D được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lê Quang K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa bà D yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con hai người con chung Lê Hoàng Kh và Lê Ngọc Tr một người mỗi tháng 750.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà D phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Lê Quang K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hoàng Kh, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2006 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2014 một người mỗi tháng 750.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[6] Về tài sản chung, nợ chung bà D, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà D phải chịu 300.000đ, bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí. Án phí dân sự sơ thẩm ông K phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm b khoản 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thị D và ông Lê Quang K.

- Về quyền nuôi con chung: Giao ba người con chung tên Lê Nhứt T (giới tính nam), sinh ngày 19 tháng 12 năm 2003, Lê Hoàng Kh (giới tính nam), sinh ngày 14 tháng 6 năm 2006 và Lê Ngọc Tr (giới tính nữ), sinh ngày 27 tháng 9 năm 2014 cho bà Trương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Quang K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Lê Quang K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hoàng Kh, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2006 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2014 một người mỗi tháng 750.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Về án phí: Bà Trương Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019634 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Lê Quang K phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Án xử sơ thẩm, bà Trương Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Quang K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều